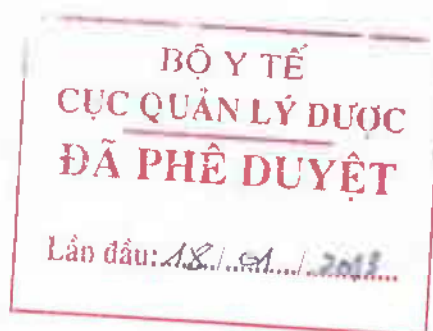


201/80 BSI



120X70mm

Rx Thuốc bán theo đơn

Aminol-RF Injection "S.T."

200ml



Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch
Thành phần Mỗi ml có chứa

L-Isoleucine	7,20 mg	L-Threonine	5,15 mg
L-Leucine	11,25 mg	L-Tryptophan	2,55 mg
L-Lysine Acetate	11,55 mg	L-Valine	8,20 mg
L-Methionine	11,25 mg	L-Histidine	5,60 mg
L-Phenylalanine	11,25 mg		

INDICATIONS, DOSAGE &
ADMINISTRATIONS
CONTRAINDICATIONS AND
OTHER INFORMATION
Please see the accompanying leaflet
CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG &
CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH
VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: Xin xem
tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo
BẢO QUẢN: Bảo quản ở nhiệt độ
dưới 30°C

ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

KEEP OUT OF THE REACH OF CHILDREN
CAREFULLY READ THE ACCOMPANYING LEAFLET BEFORE USE



Nhà sản xuất (Manufacturer)
TAIWAN BIOTECH CO., LTD.
22, Chieh-Shou Rd., Taoyuan City, Taoyuan Hsien, Taiwan, R.O.C

DNKK:

SDK (Voucher):
Số lô SX (Lot No.):
NSY (Mfg. Date):
HD (Exp. Date):



3



AMINOL-RF INJECTION “S.T.”

【Thành phần】

Mỗi chai 200ml có chứa:

L-Isoleucine	1,440.0 mg	L-Tryptophan	510.0 mg
L-Lysine Acetate	2,310.0 mg	L-Valine	1,640.0 mg
L-Methionine	2,250.0 mg	L-Histidine	1,120.0 mg
L-Phenylalanine	2,250.0 mg	L-Leucine	2,250.0 mg
L-Threonine	1,030.0 mg	Total amino acid	7.4% w/v

Tổng lượng acid amin: 7.4% kl/lt; Tổng lượng Nitơ: 0.9 g/L;

Tỷ lệ áp suất thẩm thấu (với dung dịch nước muối sinh lý): khoảng 2

Đặc điểm: Dung dịch trong, không màu tới màu vàng nhạt

Tá dược: Natri Bisulfit, L-Cysteine, HCl, Nước cất pha tiêm.

【Dược lực học】

Aminol-RF Injection “S.T.” là một hỗn hợp của các acid amin được thiết kế đặc biệt cho các bệnh nhân bị suy thận cấp mà không thể ăn được. Việc sử dụng các acid amin thiết yếu để cung cấp cho bệnh nhân urê huyết là dựa trên các yêu cầu tối thiểu cho mỗi loại trong số 8 acid amin thiết yếu trong chế độ dinh dưỡng của người lớn. Trong suy thận, nitrogen không đặc hiệu như urê, glycin hoặc amoni clorid bị phá vỡ ở ruột. Amoniac hình thành được hấp thu vào hệ cửa và hợp nhất với acid amin không thiết yếu tại gan, đảm bảo cho nhu cầu acid amin thiết yếu được đáp ứng. Bằng cách chuyển hóa này, urê nitrogen góp phần để tổng hợp protein khi cơ thể được tiếp nhận sự phối hợp thích đáng các acid amin thiết yếu, năng lượng và các nhu cầu dinh dưỡng khác.

Như vậy, việc sử dụng acid amin thiết yếu cho bệnh nhân urê huyết, đặc biệt là những người thiếu protein, dẫn đến sự tận dụng urê giữ lại trong tổng hợp protein, và có thể tiếp theo là sự giảm urê nitrogen huyết và tiêu tan nhiều triệu chứng liên quan với chứng urê huyết.

Aminol-RF Injection “S.T.” chứa histidine, một acid amin được coi là yếu tố cần thiết cho sự phát triển của trẻ, và được xác định là acid amin cốt yếu cho bệnh nhân urê huyết.

Ở bệnh nhân suy thận cấp có khả năng hồi phục, những người không thể ăn, sự duy trì dinh dưỡng đầy đủ có thể hỗ trợ cho việc giảm bệnh tật.

【Dược động học】

Thuốc nhanh chóng hấp thu qua đường truyền tĩnh mạch và được phân bố toàn thân.

Thuốc được chuyển hoá ở gan dưới dạng chất chuyển hoá kết hợp và được bài tiết qua nước tiểu.

【Chỉ định】

Cung cấp acid amin cho bệnh nhân bị suy thận cấp hoặc mãn tính.

【Liều lượng và cách dùng】

1. Bệnh nhân suy thận mãn tính:

Liều thường dùng cho người lớn là 200ml, một lần mỗi ngày, truyền nhỏ giọt chậm vào tĩnh mạch. Tốc độ truyền khoảng 200 ml / 2 ~ 3 giờ (15 ~ 25 giọt/ phút). Giám tốc độ truyền đối với trẻ em, người già và bệnh nhân nặng.

Trong khi đang thực hiện liệu pháp thẩm tách máu, có thể tiêm dung dịch này vào mạch của vòng thẩm tách khoảng 60 ~ 90 phút trước khi hoàn thành việc thẩm tách máu.

2. Bệnh nhân suy thận cấp tính:

Liều thường dùng cho người lớn là 200ml ~ 400ml mỗi ngày, truyền nhỏ giọt chậm vào tĩnh mạch. Hoặc truyền nhỏ giọt duy trì liên tục thông qua mạch trung tâm theo phương pháp truyền năng lượng cao. Điều chỉnh liều cho thích hợp tùy theo tuổi, triệu chứng và trọng lượng của bệnh nhân.

Chỉ được dùng thuốc này theo chỉ định của bác sỹ.

【Chống chỉ định】

Không dùng Aminol-RF Injection "S.T." cho bệnh nhân bị hôn mê gan hoặc nghi ngờ hôn mê gan, bệnh nhân bị dị ứng với sulfite vì trong thành phần có chứa Natri bisulfite.

Chống chỉ định với người mẫn cảm với các thành phần của thuốc

【Thận trọng】

(1) Lưu ý chung: Thuốc được dùng trong những trường hợp sau:

- (a) Bệnh nhân đang trong giai đoạn trầm trọng cấp tính và phải hạn chế trong chế độ ăn protein thấp.
- (b) Bệnh nhân đang phải thẩm tách máu cần nhiều acid amin.
- (c) Bệnh nhân không thể hoặc rất khó ăn bằng đường miệng.

(2) Sử dụng thận trọng với các bệnh nhân sau:

- (a) Bệnh nhân bị nhiễm acid nặng.
- (b) Bệnh nhân bị suy tim sung huyết.

(3) Thận trọng khi dùng:

- 1) Aminol-RF Injection "S.T." chứa 10mEq/L ion Na⁺, cần thận trọng về cân bằng điện giải khi truyền một lượng lớn thuốc tiêm or dung dịch truyền chứa các chất điện giải khác.
- 2) Tiêm truyền tĩnh mạch với tốc độ chậm.
- 3) Truyền thuốc này để cung cấp protein trong chế độ ăn và calo cho người bệnh theo các nguyên tắc sau:
 - ◇ Bệnh nhân suy thận mãn tính, giảm 5 ~10g protein trong chế độ ăn sau khi truyền thuốc này, nhưng cần bổ sung thêm hơn 1800 Kcal.
 - ◇ Bệnh nhân suy thận cấp tính, người không thể hoặc rất khó ăn bằng đường miệng, tỉ lệ calo-nitơ nên nằm trong khoảng giữa 500 và 1000, khi truyền theo phương pháp truyền năng lượng cao.

(5) Thận trọng trước khi sử dụng:

- (a) Khi vận chuyển, các chai thuốc có thể bị rạn vỡ, nứt, hoặc mất nút do va chạm hoặc rung lắc. Không dùng các chai thuốc nếu có các tình trạng kể trên.
- (b) Không dùng nếu dung dịch thuốc không trong suốt, biến màu, có vẩn hoặc các tình trạng bất thường khác

【Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú】

- 1) Độ an toàn của Aminol-RF Injection "S.T." trong thời kỳ mang thai chưa được thiết lập. Vì vậy chỉ sử dụng thuốc này cho phụ nữ mang thai hoặc nghi ngờ mang thai khi lợi ích mong đợi cao hơn hẳn các nguy cơ có thể xảy ra.
- 2) Độ an toàn của Aminol-RF Injection "S.T." trong thời kỳ cho con bú chưa được thiết lập, do đó không khuyến cáo dùng thuốc này cho phụ nữ cho con bú. Ngừng cho con bú khi cần phải dùng Aminol-RF Injection "S.T."

【Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc】

Không.

【Tương tác thuốc】

- 1) Không nên pha trộn thuốc này với các thuốc khác vì có thể làm tăng nguy cơ nhiễm khuẩn, bất tương hợp.
- 2) Không cho thiamin (vitamin B1) vào cùng với dung dịch này để tránh bị phân hủy, do Natri disulfit rất dễ sinh phản ứng với vitamin B1.

【Tác dụng phụ】

- 1) Ngừng dùng thuốc nếu đôi khi có xảy ra phản ứng dị ứng.
- 2) Hệ tiêu hóa: Buồn nôn, nôn
- 3) Hệ tuần hoàn: khó chịu ở ngực, hồi hộp
- 4) Truyền nhanh một lượng lớn dịch truyền: gây nhiễm acid
- 5) Khác: sốt, ớn lạnh, cảm giác nóng bỏng ở đầu, đau đầu, đau xung quanh điểm cắm kim truyền.

Ghi chú: Thông báo cho bác sỹ các tác dụng ngoại ý gặp phải trong quá trình sử dụng thuốc.

【Quá liều】

Trong trường hợp thừa dịch hoặc quá tải chất tan, cần đánh giá lại tình trạng của bệnh nhân và đưa ra biện pháp điều chỉnh thích hợp.

■ **ĐÓNG GÓI:**

Chai thủy tinh 200 ml

■ **ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN:**

Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C

■ **HẠN DÙNG:** 3 năm kể từ ngày sản xuất



PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Văn Thanh

- ☞ THUỐC NÀY CHỈ ĐƯỢC BÁN THEO ĐƠN CỦA THẦY THUỐC.
- ☞ TRÁNH XA TÂM TAY CỦA TRẺ EM.
- ☞ ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
- ☞ NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SỸ.
- ☞ KHÔNG ĐƯỢC DÙNG THUỐC QUÁ HẠN SỬ DỤNG.

■ SỐ ĐĂNG KÝ: VN-

■ NHÀ SẢN XUẤT:



TAIWAN BIOTECH CO., LTD.

22, CHIEH-SHOU ROAD, TAOYUAN, TAIWAN, R.O.C.

TEL: 886-3-3612131

FAX: 886-3-3670029

Handwritten signature or mark.

Handwritten text in red ink, possibly a date or signature.

Handwritten text in red ink, possibly a date or signature.